

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/4/2023.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn A**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành T

2. Ông Nguyễn Văn D

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đặng Thanh S** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc: “Xin ly hôn và nuôi chung con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐ-HPT ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị T1**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp Ranh Hát, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thị T1** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Thị T1** và anh **Nguyễn Văn Đ** tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 17/9/2012. Quá trình chung sống giữa chị T1 và anh Đ lúc đầu rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và anh Đ có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần với chị T1. Chị T1 nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi đến cuối năm 2022 do mâu thuẫn nên chị T1 và anh Đ đã ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân chị T1 và anh Đ không có liên lạc để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh Đ nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị T1 và anh Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 15/9/2012 và Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 21/4/2014 hiện đang ở cùng với anh Đ. Sau khi ly hôn chị T1 đồng ý giao 02 người con chung nêu trên cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị T1 trình bày giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, anh Đ không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Nguyễn Văn Đ trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị T1 yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của

Bộ Luật tổ tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Thị T1 và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị T1 và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị T1 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị T1 trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè, ăn chơi, cờ bạc và không chăm lo cho gia đình. Chị T1 nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ không thay đổi đến đầu năm 2022 do mâu thuẫn nên chị T1 và anh Đ đã ly thân nhau cho đến nay. Hiện tại chị T1 và anh Đ không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Thị T1 đoàn tụ để nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị T1 vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh Đ. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ để mời hòa giải đoàn tụ với chị T1 nhưng anh Đ đều vắng mặt. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị T1 yêu cầu với anh Đ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị T1 xác định trong quá trình chung sống với anh Đ thì anh chị có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Quốc T2, sinh ngày 15/9/2012 và Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 21/4/2014 hiện đang ở cùng với anh Đ. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị T1 đều đồng ý giao 02 người con chung này cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu tự nguyện giao con của chị T1 Hội đồng xét xử

nhận thấy: Hiện anh Đ là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thái và cháu L. Quá trình chung sống với anh Đ thì cháu Thái và cháu L được anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Hơn nữa qua quá trình làm việc với Tòa án cháu Thái và cháu L có ý kiến được tiếp tục ở với anh Đ. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp các cháu phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Thái và cháu L cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 xác nhận chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ ai và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Thị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Thị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc Thái, sinh ngày 15/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 21/4/2014 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Thị T1 có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Thị T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0004411 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T1 đã nộp xong.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn A